

Bản án số: 17/2024/KDTM-ST
Ngày 10 - 7 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Cơ Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Phương
2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Diệu Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh), xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp về cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty XX; địa chỉ: Xxx, cao ốc x Trade Centre, số x Tôn Đức Thắng, phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đ N N L; địa chỉ: Xxx, cao ốc x Trade Centre, số x Tôn Đức Thắng, phường xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 282.2024/GUQ-COL ngày 08/4/2024); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH TM YYY; địa chỉ: xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Đ P N, sinh năm 1975; địa chỉ tạm trú: xx Đường số 1, khu phố x, phường xxxx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đ P N, sinh năm 1975; địa chỉ: Hộ khẩu thường trú: xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: xx Đường số 1, khu phố x, phường xxxx, quận xx, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Ông Đ K B, sinh năm 1976; địa chỉ: xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 28/7/2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đ N N L trình bày:

Giữa Công ty XX (gọi tắt là Công ty XX) và Công ty TNHH TM YYY (gọi tắt là Công ty YYY) có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C181027102 ngày 02/11/2018 (gọi tắt là Hợp đồng thuê). Theo đó, Công ty XX cung cấp cho Công ty YYY dịch vụ cho thuê tài chính theo hình thức đầu tư vốn mua tài sản và cho Công ty YYY thuê lại một máy ghi bản kẽm (CTP) DX1160U-III, số seri: 301709532 (gọi tắt là tài sản thuê); Công ty YYY có trách nhiệm trả lại tiền do Công ty XX đã đầu tư mua tài sản và trả lãi trên số tiền gốc trên.

Cùng ngày 02/11/2018, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền cho thuê tài chính của Công ty YYY theo Hợp đồng thuê tài chính, Công ty Chilease chấp nhận thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân bà Đ P N và ông Đ K B. Theo đó, trường hợp Công ty YYY không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng thuê tài chính, bà Đ P N và ông Đ K B cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thay cho Công ty YYY.

Ngoài ra, ngày 02/11/2018, Công ty YYY đã ký kết hợp đồng thế chấp số C181027102-MA với Công ty XX để thế chấp tài sản đảm bảo là: 01 Máy chế bản in UV CTP, Model: AUSERA U848, Hiệu: AMSKY nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê. Theo đó, trong trường hợp Công ty YYY không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo Hợp đồng thuê tài chính, Công ty XX được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi các khoản nợ.

Hợp đồng thế chấp trên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/11/2018.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty XX đã ký Hợp đồng mua bán số C181027102-PC-AMT vào ngày 02/11/2018 để mua tài sản thuê từ Công ty YYY và cho Công ty YYY thuê lại chính các tài sản này, đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định pháp luật về hoạt động cho thuê tài chính.

Ngày 09/11/2018, Công ty YYY đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê đối với tài sản thuê trên.

Tổng giá trị của tài sản thuê là 1.357.000.000 đồng. Trong đó, Công ty YYY trả đối ứng 407.100.000 đồng và Công ty XX tài trợ một phần vốn là 949.900.000 đồng (Giá trị thuê). Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 36 tháng, kể từ ngày 09/11/2018 đến ngày 20/11/2021.

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi, được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty XX cộng với biên độ 2,26%/năm. Theo đó, mức lãi suất thuê tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 9,36%/năm.

Ngày 29/11/2018, hợp đồng thuê được cấp giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm hợp đồng.

Hàng tháng, Công ty YYY phải thanh toán cho Công ty XX tiền thuê tài chính bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty XX đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty YYY trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty XX vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê tài chính, nếu Công ty YYY vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty XX đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty YYY bồi thường thiệt hại (nếu có).

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê tài chính, Công ty YYY thường xuyên thanh toán không đúng hạn.

Ngày 04/8/2021, do Công ty YYY vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê tài chính, Công ty XX đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty YYY thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 06/8/2021 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là: 232.892.930 đồng.

Do Công ty YYY không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nên ngày 12/04/2023, Công ty XX đã ra thông báo yêu cầu thanh toán đến người bảo lãnh là bà Đ P N và ông Đ K B yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán theo nội dung thư bảo lãnh đã ký, tuy nhiên cho đến nay bà Đ P N và ông Đ K B cũng không thanh toán thêm bất kì khoản tiền nào cho Công ty XX.

Vì những lý do trên, Công ty XX khởi kiện vụ án ra Toà án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết những nội dung như sau:

Buộc Công ty YYY thanh toán cho Công ty XX số tiền thuê tài chính còn nợ tính đến ngày 10/7/2024 là 113.230.255 đồng, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc là: 49.002.781 đồng.
- Nợ lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/08/2021 là: 48.190.149 đồng.
- Nợ lãi quá hạn từ ngày 06/08/2021 đến ngày 10/7/2024: 16.037.325 đồng.

Buộc Công ty YYY tiếp tục thanh toán cho Công ty XX tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 11/7/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty YYY không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì buộc người bảo lãnh là bà Đ P N và ông Đ K B có trách nhiệm thanh toán thay khoản nợ của Công ty YYY cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

Phía nguyên đơn xác định xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản như sau:

- Không yêu cầu giải quyết buộc Công ty YYY phải bàn giao trả Tài sản thuê là 01 Máy ghi bản kèm (CTP) DX1160U-III, số seri: 301709532 cho Công ty XX thanh lý, thu hồi nợ.

- Không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản thế chấp là Máy chế bản in UV CTP, Model: AUSETTA U848, Hiệu: AMSKY để xử lý nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02/7/2024 và không có văn bản gì khác về việc thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn là Công ty TNHH TM YYY không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía bị đơn do bà Đ P N đại diện theo pháp luật vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết và không có ủy quyền cho người đại diện khác tham gia giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía bị đơn.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ P N và ông Đ K B không có yêu cầu độc lập. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết và không có ủy quyền cho người đại diện khác tham gia giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án còn một số khuyết điểm như: Tòa án còn chậm tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự; thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền còn nợ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số C181027102 ngày 02/11/2018 giữa Công ty XX và Công ty YYY; theo đó, Công ty XX đã cung cấp vốn để mua tài sản và cho Công ty YYY thuê lại tài sản để phục vụ sản xuất kinh doanh; Công ty YYY có nghĩa vụ thanh toán số tiền do Công ty XX đầu tư mua máy móc, trả lãi theo thỏa thuận căn cứ theo số tiền do bên Công ty XX bỏ ra để mua máy; các bên ký kết và thực hiện hợp đồng nhằm mục đích lợi nhuận. Do Công ty YYY không trả được nợ tiền thuê tài chính nên Công ty XX thực hiện quyền khởi kiện để thu hồi nợ. Căn cứ Điều 3, khoản 4 Điều 4 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 112 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính”

Về thẩm quyền giải quyết:

Công ty YYY có địa chỉ trụ sở doanh nghiệp tại số xx Đường 3/2, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng:

Hợp đồng cho thuê tài chính số C181027102 ngày 02/11/2018 được ký kết giữa hai bên có xác định mục đích để Công ty XX đầu tư vốn để mua máy móc cho Công ty YYY sử dụng vào việc sản xuất kinh doanh và Công ty YYY có trách nhiệm trả vốn và lãi vay căn cứ trên số tiền do Công ty XX đầu tư, cho vay; do các bên đều là chủ thể của quan hệ kinh doanh, thương mại; quan hệ tranh chấp giữa hai bên được xác định lại là quan hệ tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết tranh chấp giữa các bên.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty XX do ông Đ N N L đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 02/7/2024. Do vậy, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là tổ chức, doanh nghiệp không còn hoạt động kinh doanh tại nơi đăng ký kinh doanh nhưng chưa đăng ký giải thể, không đăng ký tạm ngừng hoạt động (theo Phiếu cung cấp thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, theo Phiếu cung cấp thông tin của Công an Phường 12, Quận 11, theo trang tra cứu thông tin doanh nghiệp Việt Nam và theo trang tra cứu thông tin của Tổng cục thuế Việt Nam); do đó, các văn bản tố tụng của Tòa án được tổng đạt, niêm yết cho bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn tại trụ sở của bị đơn theo quy định tại Điều 178 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài việc tổng đạt cho bị đơn tại địa chỉ trụ sở của bị đơn theo quy định của pháp luật, để đảm bảo vụ việc được giải quyết công khai, đảm bảo quyền lợi của bị đơn, Tòa án đã tổng đạt cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Đ P N tại địa chỉ cư trú của bà N.

Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ lần thứ nhất cho bị đơn - Công ty YYY, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Đ P N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ P N và ông Đ K B. Tại ngày mở phiên tòa 20/6/2024, đương sự vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ cho đương sự nhưng tại ngày mở phiên tòa hôm nay đương sự vẫn vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn, vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn - bà Đ P N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đ P N và ông Đ K B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về việc xem xét các chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải. Tại các lần tiến hành phiên họp và phiên hòa giải, các bên đương sự có mặt không có ý kiến phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp; đương sự vắng mặt không có văn bản phản đối các chứng cứ do bên kia cung cấp nên được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

5.1. Xét yêu cầu thanh toán nợ tiền thuê tài chính, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn:

Xét Hợp đồng cho thuê tài chính số C181027102 ngày 02/11/2018 giữa Công ty XX và Công ty YYY, Hội đồng xét xử xét thấy giữa Công ty XX và Công ty YYY có giao dịch đầu tư tài chính để mua tài sản, cho thuê lại tài sản và tính lãi vay. Công ty YYY sử dụng tài sản của Công ty XX để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty YYY; thanh toán số tiền vốn và trả lãi vay cho Công ty XX căn cứ trên số tiền mà Công ty XX đã đầu tư mua tài sản. Xét thấy, sự thỏa thuận về

điều kiện thu hồi nợ, về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm hợp đồng, không trả tiền thuê tài chính (tiền vay) đúng hạn nên Công ty XX khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo đúng thỏa thuận của các bên thể hiện tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 26 của Hợp đồng thuê tài chính và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tính đến ngày 10/7/2024 bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 113.230.255 đồng (bao gồm: Tiền nợ thuê gốc chưa thanh toán là 49.002.781 đồng; tiền lãi trong hạn tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 06/08/2021 là 48.190.149 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 06/08/2021 đến ngày xét xử 10/7/2024 là 16.037.325 đồng).

Công ty YYY còn có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số C181027102 ngày 02/11/2018, kể từ ngày 11/7/2024 đến ngày trả dứt nợ.

5.2. Xét yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghĩa vụ theo Thư bảo lãnh cá nhân:

Ngày 02/11/2018, bà Đ P N và ông Đ K B có Thư bảo lãnh cá nhân cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty YYY trong trường hợp Công ty YYY không thanh toán đầy đủ khoản tiền vay. Đây là sự tự nguyện của bà Đ P N và ông Đ K B, phù hợp với quy định tại các Điều 274, Điều 275, Điều 335, Điều 338, Điều 342 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh là bà Đ P N và ông Đ K B có trách nhiệm thanh toán thay khoản nợ của Công ty YYY cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ là có căn cứ và được chấp nhận.

5.3. Xét yêu cầu xử lý tài sản cho thuê và tài sản bảo đảm:

Ngày 07/5/2024 nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản như sau:

- Không yêu cầu giải quyết buộc Công ty YYY phải bàn giao trả Tài sản thuê là 01 Máy ghi bản kẽm (CTP) DX1160U-III, số seri: 301709532 cho Công ty XX thanh lý, thu hồi nợ.

- Không yêu cầu giải quyết xử lý tài sản thế chấp là Máy chế bản in UV CTP, Model: AUSETTA U848, Hiệu: AMSKY để xử lý nợ.

Do nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

[6] Xét ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các văn bản tố tụng bao gồm: Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán hết số nợ cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét các ý kiến và các yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc Tòa án còn có một số khuyết điểm trong quá trình xử lý đơn và giải quyết vụ án là chậm tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự, chậm đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã phát biểu tại phiên tòa về việc buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn và việc đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút.

[8] Về án phí:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ là 113.230.255 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng) và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.661.513 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 335, Điều 338, Điều 342 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, khoản 4 Điều 4 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 2, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 112 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty XX về việc buộc Công ty TNHH TM YYY có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH TM YYY có nghĩa vụ trả cho Công ty XX số tiền tạm tính đến ngày 10/7/2024 là 113.230.255 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng) (bao gồm: Tiền nợ thuê gốc chưa thanh toán là 49.002.781 đồng; tiền lãi trong hạn là 48.190.149 đồng; tiền lãi quá hạn là 16.037.325 đồng).

Trường hợp Công ty TNHH TM YYY không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì buộc người bảo lãnh là bà Đ P N và ông Đ K B có trách nhiệm thanh toán thay khoản nợ của Công ty TNHH TM YYY cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn đã rút về việc xử lý tài sản bao gồm:

- Một Máy ghi bản kẽm (CTP) DX1160U-III, số seri: 301709532.
- Máy chế bản in UV CTP, Model: AUSERA U848, Hiệu: AMSKY.

3. Về án phí:

Công ty TNHH TM YYY phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 5.661.513 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn năm trăm mười ba đồng).

Hoàn trả cho Công ty XX số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.368.064 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng) theo Biên Lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0032548 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11 ngày 24/01/2024.

4. Các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 10/7/2024, Công ty TNHH TM YYY còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong cho thuê tài chính, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty XX thì lãi suất mà Công ty TNHH TM YYY phải tiếp tục thanh toán cho Công ty XX theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty XX.

Trong trường hợp bản án, được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền kháng nghị:

Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Cơ Dũng